

ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC- THẠC SĨ NGÀNH: CÔNG NGHỆ DỆT, MAY

	Tên ngành	Mã số ngành	Khoa quản lý ngành
Ngành Đại học	Công nghệ Dệt, May	7540204	Cơ khí
Ngành Thạc sĩ	Công nghệ Dệt, May	8540204	Cơ khí

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Công nghệ Dệt, May:

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KHTN	Toán & Khoa học tự nhiên
CT	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội
GDQP	Giáo dục quốc phòng
GDTC	Giáo dục thể chất
NN	Ngoại ngữ
CSN	Cơ sở ngành/Nhóm ngành
CN BB	Chuyên ngành bắt buộc
CN TC	Chuyên ngành tự chọn
TC	Tự chọn tự do (không yêu cầu phải trong chuyên ngành)
TTTN	Thực tập tốt nghiệp
LVTN	Luận văn tốt nghiệp

❖ Năm học I: 39 TC

Học kỳ 1 – 19 TC			Học kỳ 2 – 20 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Anh văn 1	2	NN	Anh văn 2	2	NN
Giáo dục Quốc phòng	0	GDQP	Giáo dục thể chất 2	0	GDTC
Giáo dục thể chất 1	0	GDTC	Giải tích 2	4	KHTN
Giải tích I	4	KHTN	Vật lý 2	4	KHTN
Hóa đại cương	3	KHTN	Thí nghiệm Vật lý	1	KHTN
Vật lý 1	4	KHTN	Đại số tuyến tính	3	KHTN
Nhập môn về lập trình	3	CSN	Cơ sở công nghệ dệt may	3	CSN
Nhập môn về kỹ thuật	3	CSN	Kỹ thuật điện	3	CSN

❖ Năm học II: 36 TC

Học kỳ 3 – 19 TC			Học kỳ 4 – 17 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Xác suất thống kê	3	KHTN	Anh văn 4	2	NN
Anh văn 3	2	NN	Khoa học vật liệu dệt	4	CSN
Môi trường và con người	3	CSN	Công nghệ may 1	3	CNBB
An toàn lao động trong Dệt may	3	CSN	Nguyên lý cơ bản CN Mác - Lênin	5	CT
Cơ khí đại cương	3	CSN	Phương pháp tính	3	KHTN
Tin học trong dệt may	2	CSN			
Vẽ kỹ thuật	3	CSN			
Giáo dục thể chất 3	0	GDTC			

❖ Năm học III: 37 TC

Học kỳ 5 – 19 TC			Học kỳ 6 – 18 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Thiết kế trang phục 1	5	CNBB	Thiết kế trang phục 2	3	CNBB
<i>Công nghệ may 2 (*)</i>	5	CNBB	DAMH Thiết kế trang phục	1	CNBB
<i>Kỹ thuật trang trí trang phục (*)</i>	3	CNBB	Mỹ thuật trang phục	4	CNBB
Thực tập kỹ thuật	3	CNBB	Cơ học máy	4	CSN
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT	Đo lường và đảm bảo chất lượng	3	CSN
ĐAMH Công nghệ may	1	CNBB	Thực tập tốt nghiệp	3	TTTN

❖ Năm học IV: 29 TC

Học kỳ 7 – 17 TC			Học kỳ 8 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Pháp luật Việt Nam đại cương	2	CT	Môn tự chọn 3	3	CNTC
<i>Quản lý sản xuất (*)</i>	3	CT	Luận văn tốt nghiệp ĐH	9	LVTN
Môn tự chọn 1	3	CNTC			
Môn tự chọn 2	3	CNTC			
<i>Thiết bị may (*)</i>	3	CNBB			
Đường lối cách mạng Đảng CSVN	3	CT			
Đề cương luận văn tốt nghiệp	0	LVTN			

Danh mục các môn tự chọn

STT	MSMH	Tên môn học	TC
1	ME4529	Lịch sử thời trang	3
2	ME4043	Kinh doanh thời trang	3
3	ME4005	Thiết kế phụ kiện thời trang	3
4	ME3105	Thiết kế đồ họa	3
5	ME4505	<i>Thiết kế trang phục 3(*)</i>	3
6	ME4519	<i>Kỹ thuật may nâng cao (*)</i>	3
7	ME4533	Quản lý đơn hàng	3

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Công nghệ Dệt may

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KTBS	Kiến thức bổ sung
KTC BB	Kiến thức chung bắt buộc
KTC TC	Kiến thức chung tự chọn
KTCN BB	Chuyên ngành bắt buộc
KTCN TC	Chuyên ngành tự chọn
LVThS	Luận văn thạc sĩ

❖ Năm học I: 21 TC

Học kỳ 1 – 9 TC			Học kỳ 2 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Triết học	3	CT	Kỹ thuật dệt hiện đại	3	KTCN-BB
Các môn học chung	6	KTC	Kiểm định và đánh giá trong dệt may	3	KTCN-BB
Đề cương luận văn	0	LV	Tự chọn 1	3	KTCN-TC
Khối kiến thức bắt buộc ví dụ (*)	6	KTBB	Tự chọn 2	3	KTCN-TC
			Các môn tự chọn Vật liệu polymer dệt Composite dệt Sản phẩm da thuộc trong dệt may (*) Công nghệ may thông minh (*) Vật liệu tiên tiến trong ngành may (*)		

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học II: 24 TC

Học kỳ 3 – 12 TC			Học kỳ 4 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Công nghệ may hiện đại (*)	3	KTCN-BB	Luận văn thạc sĩ	12	LV
Vật liệu dệt chức năng thông minh	3	KTCN-BB			
Tự chọn 3	3	KTCN-BB			
Tự chọn 4	3	KTCN-BB			
Các môn tự chọn Tự động hóa trong dệt may An toàn và phát triển bền vững trong dệt may (*) Động học nhuộm Công nghệ hoàn tất hiện đại Khoa học quản lý trong dệt may (*)					

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

3. Danh sách các môn học/khối kiến thức của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ giảng dạy trong phần trình độ đại học:

Khi sinh viên học, đạt môn học/khối kiến thức trong CTĐT Thạc sĩ, các môn học/khối kiến thức này sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ			Chương trình đào tạo đại học		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Nhóm kiến thức/môn học 1 (3 tín chỉ)					
Công nghệ may hiện đại	3	BB	Thiết bị may	3	BB

Nhóm kiến thức/môn học 2 (6 tín chỉ)					
Sản phẩm da thuộc trong dệt may	3	TC	Thiết kế trang phục 3	3	TC
Công nghệ may thông minh	3	TC	Kỹ thuật may nâng cao	3	TC
Nhóm kiến thức/môn học 3 (9 tín chỉ)					
Vật liệu tiên tiến trong ngành may	3	TC	Kỹ thuật thiết kế trang phục	3	BB
An toàn và phát triển bền vững trong dệt may	3	TC	Quản lý sản xuất	3	BB
Kiểm định và đánh giá trong dệt may	3	BB	Đo lường và đảm bảo chất lượng	3	BB
Nhóm kiến thức/môn học 4 (3 tín chỉ)					
Khoa học quản lý trong dệt may	3	BB	Môn ĐH Quản lý sản xuất	3	BB
			Môn ĐH Quản lý đơn hàng	3	TC

4. Đối tượng, tiêu chí và thời gian xét tuyển

- Người dự tuyển là sinh viên từ năm 3, có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm xét tuyển đạt loại khá trở lên (điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên, theo thang điểm 10), có số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60.
- Thời gian xét tuyển: tại giữa học kỳ 4 của chương trình đào tạo đại học.